

Bản án số 98/2025/HC-PT

Ngày 23/01/2025

Về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Chủ tọa phiên tòa: ông Đặng Kim Nhân - Thẩm phán

Các Thẩm phán: ông Vũ Thanh Liêm, ông Trương Công Thi

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đoàn Thị Thu Hiền

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** bà Bùi Ngô Ý Nhi - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, mở phiên tòa công khai tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 404/2024/TLPT-HC ngày 13/11/2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*” đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 209/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 266/2025/QĐ-PT ngày 07/01/2025 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa:

Người khởi kiện: bà **Phạm Thị H** và ông **Nguyễn Văn L**; cùng địa chỉ: nhà số C, tổ A, thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà H và ông L đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B; địa chỉ trụ sở: số A L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Đại diện theo ủy quyền là ông **Lê Đại T** (Phó chủ tịch UBND thành phố B), có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ủy ban nhân dân thành phố B: bà **Vũ Thị Thanh V** (Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường thành phố B) và ông **Hoàng Tiến M** (Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B) đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông **Nguyễn Đức L1**, ông **Nguyễn Đức L2**, bà **Nguyễn Thị H1**; cùng địa chỉ: nhà số C, tổ A, thôn A, xã E, Tp., tỉnh Đắk Lắk; đều ủy quyền cho bà **Phạm Thị H** (Người khởi kiện, đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 15/4/2024 và trong quá trình tố tụng, Người khởi kiện bà **Phạm Thị H** và ông **Nguyễn Văn L** (bà **H** đồng thời là đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Đức L1**, ông **Nguyễn Đức L2**, bà **Nguyễn Thị H1**) trình bày:

Năm 1985 Ông Bà khai hoang được diện tích đất khoảng 8.520m² tại **xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk**, Ô làm nhà, canh tác trồng cà phê trên đất và đăng ký kê khai tại **UBND xã E** từ năm 1986. Sau đó, ông **Nguyễn Văn C** lấn chiếm canh tác diện tích khoảng 577m² nhưng do ông **C** là anh trai ông **L** nên Ông **B** vẫn để ông **C** làm.

Năm 1995, Nhà nước có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tập trung nên Ông Bà làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất đã khai hoang bao gồm cả phần đất ông **C** lấn chiếm. Ngày 23/11/1995 **UBND thành phố B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 cho “hộ ông **Nguyễn Văn L**”, đối với thửa đất số 366, diện tích 4.145m² (trong đó 3000m² đất thổ cư và 1.145m² đất trồng cà phê), diện tích 840m² đất còn lại, chưa cấp Giấy chứng nhận nên Ông Bà thắc mắc thì được trả lời diện tích đất còn lại đã mức phần màu phía trên để đắp đập nên chỉ còn lại nền đất sỏi nên chưa cấp Giấy chứng nhận.

Năm 2014 ông **T1**, ông **T2**, ông **L3** tới quản lý sử dụng diện tích 577m² đất mà trước đó ông **C** lấn chiếm của Ông Bà, đồng thời thông báo ông **T1** đã được cấp Giấy chứng nhận toàn bộ các thửa đất số 365a, 369a, 369 với tổng diện tích 3.535m². Trong tổng diện tích 3.535m² ông **T1**, ông **T2**, ông **L3** chỉ sử dụng 577m² phần còn lại do Ông Bà quản lý sử dụng, nhưng **UBND thành phố B** lại cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông **Thế L4** không đúng. Ông Bà đã khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông **T1** và hủy Hợp đồng chuyển nhượng đất giữa ông **T1** với ông **C**, hiện đã có Bản án có hiệu lực pháp luật tuyên hủy Giấy chứng nhận của ông **T1** và hủy Giấy chuyển nhượng đất giữa ông **T1** với ông **C**.

Năm 2018 Ông Bà muốn chia đất cho các con làm nhà ở riêng nên liên hệ với **UBND xã E** thì được hướng dẫn muốn chia đất cho các con thì phải xin cấp đổi sổ mới, điều chỉnh lại phần đất thổ cư vượt hạn mức; do đó Ông Bà đã liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đo đạc lại thửa đất, nhưng không được giải quyết vì ông **L3** không ký giáp ranh.

Đối với diện tích 840m² đất Ông Bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ông Bà được hướng dẫn phải làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung, nhưng do chưa được cấp đổi sổ nên Ông Bà chưa thực hiện thủ tục xin cấp mới đối với phần diện tích đất này. Tại Văn bản số 3370 ngày 29/12/2023 của Chi nhánh **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B** và Biên bản làm việc ngày 21/12/2023 giữa Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai **thành phố B** với Ông **B1** và ông **T1**, nội dung giải quyết yêu cầu cấp đổi giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất và cấp mới đối với diện tích đất tại các thửa 365a, 369a, 369; do Ông Bà chưa nộp đơn yêu cầu cấp mới đối với diện tích đất còn thiếu ở thửa 366 vì kết quả đo đạc hiện trạng do Chi nhánh **văn phòng Đ** thực hiện thể hiện diện tích chưa được cấp Giấy chứng nhận ở thửa 336 của Ông Bà là 384.6m² là không đúng diện tích đất Ông Bà đang sử dụng trên thực tế.

Nay, **Ông B1** khởi kiện cho rằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 do **UBND thành phố B** cấp ngày 23/11/1995 cho “hộ ông **Nguyễn Văn L**” 3.000m² đất thổ cư là vượt hạn mức, gây khó khăn cho Ông Bà khi tách đất chia cho các con nên Ông Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này; đồng thời buộc **UBND thành phố B** cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Bà đối với thửa 366 đúng hạn mức đất ở quy định 400m² và buộc cấp thêm diện tích còn thiếu 840m² vào diện tích thửa 366; đối với diện tích đất 3.535m² tại các thửa 365a, 369a, 369 bị lấn chiếm, **Ô** chưa yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ngoài ra, do **UBND thành phố B** cấp đất vượt hạn mức theo quy định, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, gây khó khăn trong việc cấp đổi Giấy chứng nhận cho gia đình Ông Bà nên yêu cầu Tòa án buộc **UBND thành phố B** bồi thường cho Ông Bà 319.713.000 đồng {gồm: Bồi thường tổn thất tinh thần (2.340.000đồng/tháng /1người x 5 người) x 10 tháng = 117.000.000 đồng; thu nhập bị giảm sút do phải đi xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian từ 18/8/2018 đến nay là 125.00.000 đồng; Chi phí xăng xe đi lại, in ấn tài liệu là 71.955.000 đồng; Biên lai cước phí 1 tháng lương cơ sở cho 1 năm là 11.700.000 đồng; tiền thanh lý hợp đồng đo đạc là 5.461.000 đồng}.

* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng Người bị kiện; đại diện theo ủy quyền của **N** bị kiện; Người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị kiện không tham gia tố tụng, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện và không cung cấp tài liệu chứng cứ. Trước phiên tòa sơ thẩm **UBND thành phố B** gửi Công văn số 5062/UBND-TNMT ngày 26/9/2024 nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông **L**, bà **H** kèm theo tài liệu chứng cứ với nội dung: Việc **UBND thành phố B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 ngày 23/11/1995 cho “hộ **Nguyễn Văn L**” là đúng trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đất đai năm 1993, mục IV Quyết định số 201/QĐ/ĐKTK ngày 14/7/1989 của **T3**; bà **H**, ông **L** khởi kiện khi đã hết thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 209/2024/HC-ST ngày 27/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 1 Điều 143; Điều 144; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 206 Luật tố tụng hành chính; căn cứ Điều 54 Luật Đất đai năm 1993; Luật trách nhiệm bồi thường Nhà nước. Áp dụng khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông **Nguyễn Văn L**, bà **Phạm Thị H**, hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 do **U** cấp ngày 23/11/1995 mang tên hộ **Nguyễn Văn L**. Ông **Nguyễn Văn L**, bà **Phạm Thị H** được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **L**, bà **H** về buộc **U** cấp mới đối với phần diện tích đất 840m² và yêu cầu **U** phải bồi thường thiệt hại số tiền 319.713.000 đồng.

[3] Về án phí hành chính: Ủy ban nhân dân thành phố **B** phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 04/10/2024, bà **H** kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc **UBND thành phố B** bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà **H** số tiền 319.713.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà **H** gửi Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử phúc thẩm và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính;

Phiên tòa phúc thẩm triệu tập họp lệ lần thứ hai, bà **Phạm Thị H** là người kháng cáo có Đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị tiến hành xét xử vụ án.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị bác kháng cáo của bà **Phạm Thị H**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên tòa phúc thẩm mở lần thứ hai, đã triệu tập họp lệ các đương sự, nhưng Người kháng cáo (bà **Phạm Thị H**) có Đơn xin xét xử vắng mặt và các đương sự còn lại cũng có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện (bà **Phạm Thị H**) yêu cầu cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng buộc **UBND thành phố B** bồi thường thiệt hại cho vợ chồng bà **H** số tiền 319.713.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy do **UBND thành phố B** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 ngày 23/11/1995 cho “hộ **Nguyễn Văn L**” với thửa đất số 366 diện tích 4.145m² gồm 3.000m² đất thổ cư và 1.145m² đất cà phê là không đúng quy định của pháp luật (cấp quá hạn mức đất ở) nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà **H** hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, đồng thời tuyên bố ông **L**, bà **H** được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nội dung này không có kháng cáo, kháng nghị.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông **L**, bà **H** (cũng là yêu cầu kháng cáo), yêu cầu **UBND thành phố B** bồi thường thiệt hại tổng số tiền 319.713.000 đồng do việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 (vượt hạn mức đất ở) gây khó khăn cho ông **L**, bà **H** trong việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia đất cho các con, với các hạng mục tiền yêu cầu bồi thường: + Tổn thất tinh thần 2.340.000đồng/tháng /1người x 5 người) x 10 tháng = 117.000.000 đồng; + Thu nhập giảm sút do phải đi xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong thời gian từ 18/8/2018 đến nay 125.00.000 đồng/người; + Chi phí xăng xe đi lại in ấn tài liệu 71.955.000 đồng; + Biên lai cước phí 1 tháng lương cơ sở cho 1 năm 11.700.000 đồng; + Chi phí thanh lý hợp đồng đo đạc 5.461.000 đồng, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Từ khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 ngày 23/11/1995 ông **L**, bà **H** không khiếu nại và còn thường xuyên sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 116948 thế chấp vay tiền Ngân hàng. Điều 27 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước không quy định bồi thường tổn thất tinh thần trong trường hợp này. Đối với thiệt hại về thu nhập bị giảm sút, chi phí xăng xe đi lại, in ấn tài liệu, biên lai cước phí và tiền thanh lý hợp đồng trong quá trình làm thủ tục cấp đổi, cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đây là những chi phí phát sinh khi liên hệ thực hiện các thủ tục hành chính thông thường, **UBND thành phố B** không có hành vi gây thiệt hại cho ông **L**, bà **H** nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện này của ông **L**, bà **H** là có căn cứ, đúng pháp luật. Cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà **H**, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm. Bà **H** kháng cáo không được chấp nhận, nhưng là người cao tuổi và đã có Đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 và Điều 348, 349 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015 bác kháng cáo của bà **Phạm Thị H**, giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 209/2024/HC-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Án phí hành chính phúc thẩm: bà **Phạm Thị H** được miễn

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra III-TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đặng Kim Nhân